CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinahud

Ngày 30/06/2025	4,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

DT thuần *Q2/25*
1.55 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼18.9| -92.4%
YoY: ▼67.9| -97.8%

LN thuần *Q2/25*
-32.5 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼8.50| -35.3%
YoY: ▲ 27.2| 45.6%

LN sau thuế *Q2/25*
-33.1 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼8.80| -36.3%
YoY: ▲ 25.8| 43.8%

Tỷ suất lãi EBIT *Q2/25*
-1113%
YoY: +/-▼ 1146%

ROE (TTM) *Q2/25*
-148%
YoY: +/-▼ 21.6%

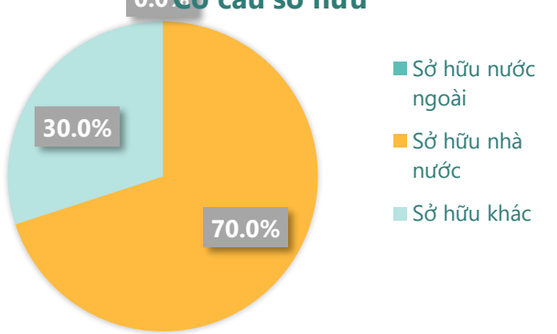
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 15,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	179
Số lượng CPLH (CP)	38,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,405
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.26)
EPS	-3,295
P/E	-1.4

DT thuần *6T 2025*
22.0 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼97.0| -81.6%

LN thuần *6T 2025*
-56.5 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 53.5| 48.9%

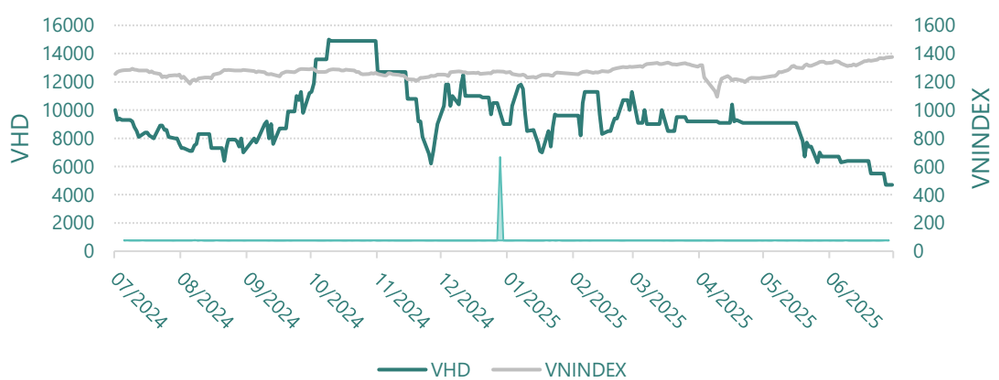
LN sau thuế *6T 2025*
-57.4 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 52.6| 48.0%

Cơ cấu sở hữu

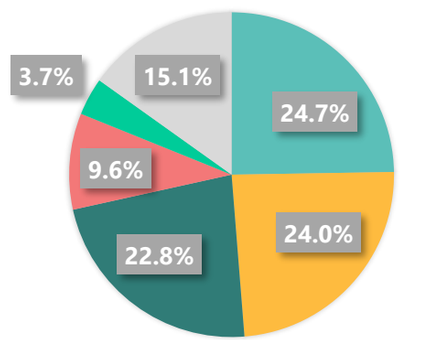


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

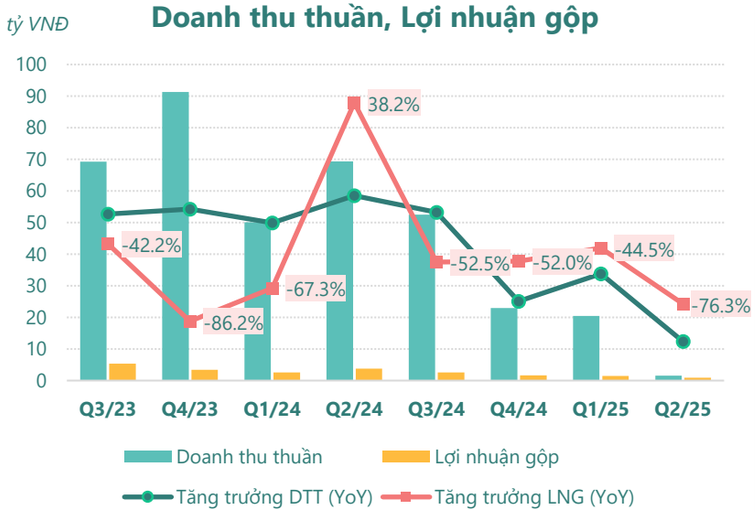


- Trương Quang Minh (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Đình Ngôn
- Nguyễn Hồ Nam
- Vũ Nam Chung
- Huỳnh Dương Thị Diễm Chi
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

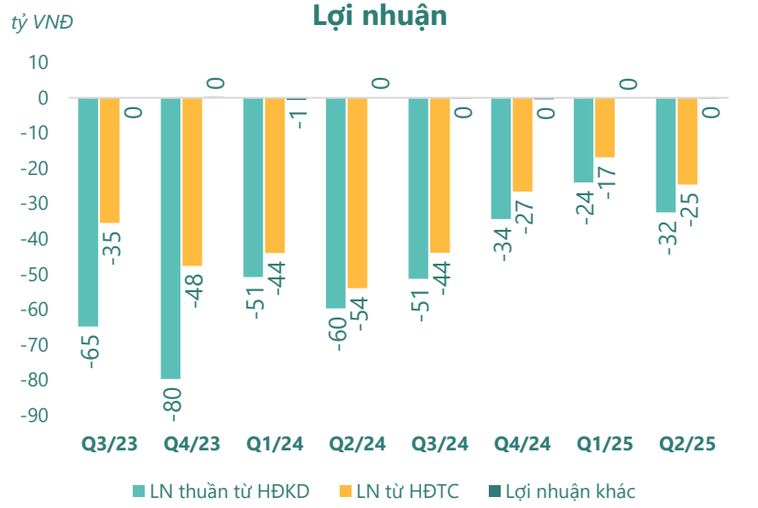
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



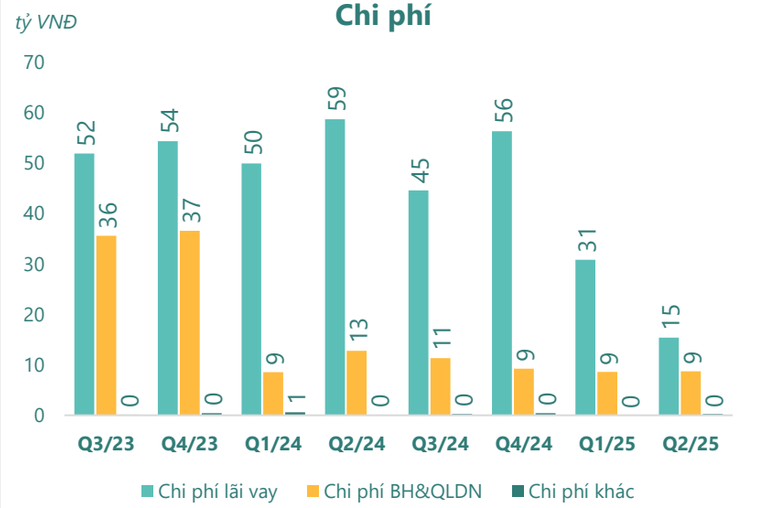
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



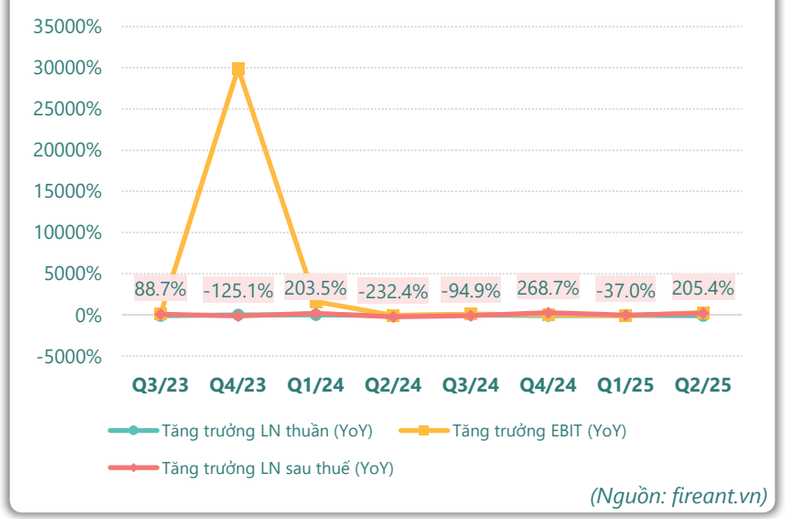
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



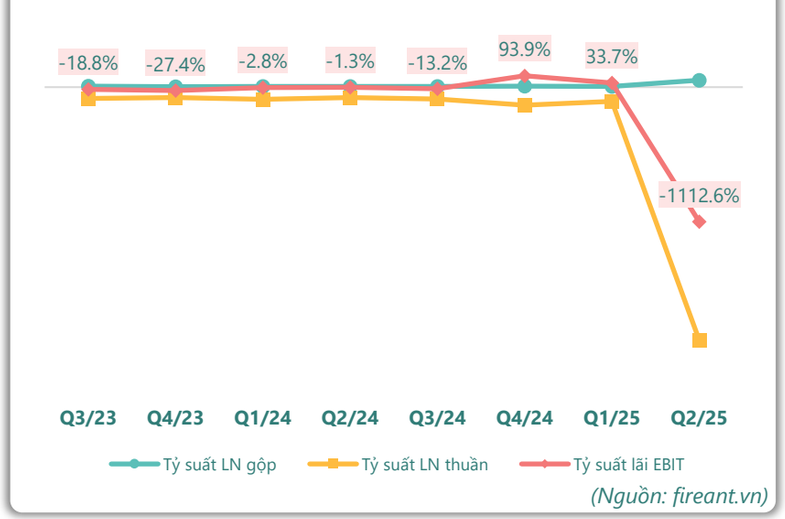
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



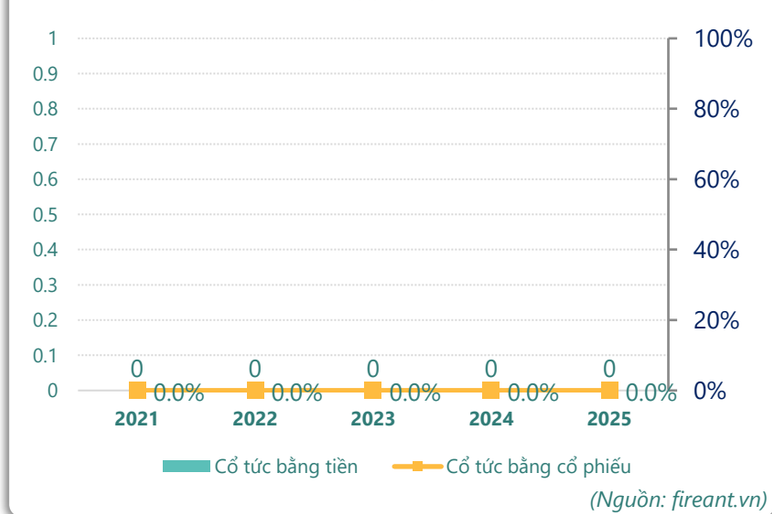
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

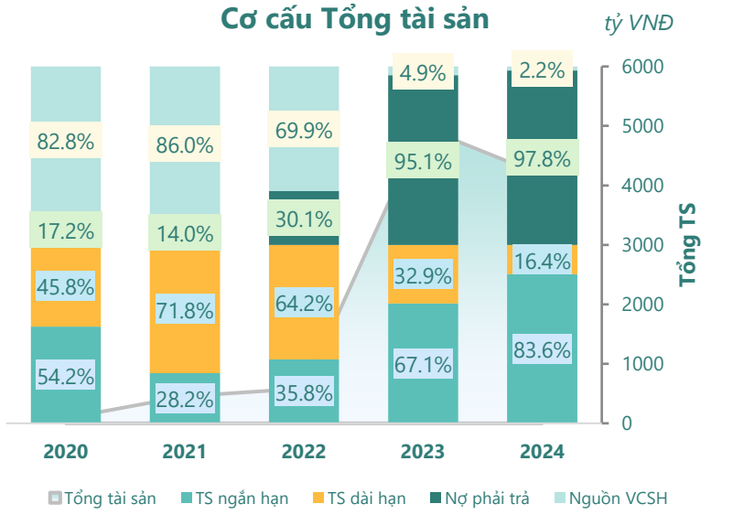
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

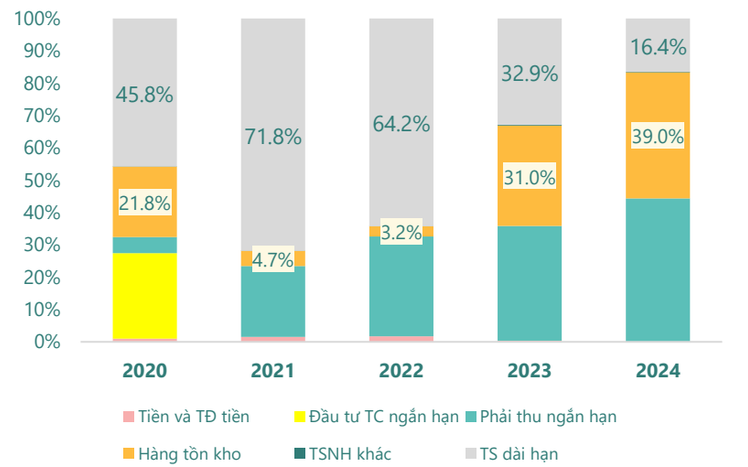
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



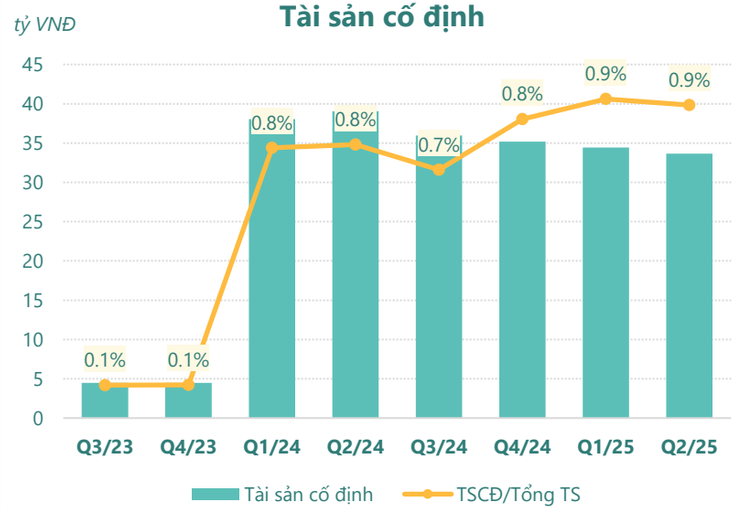
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



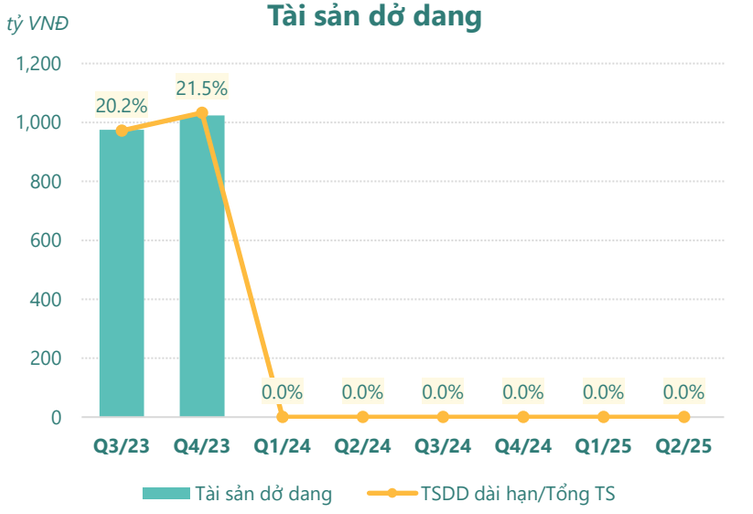
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



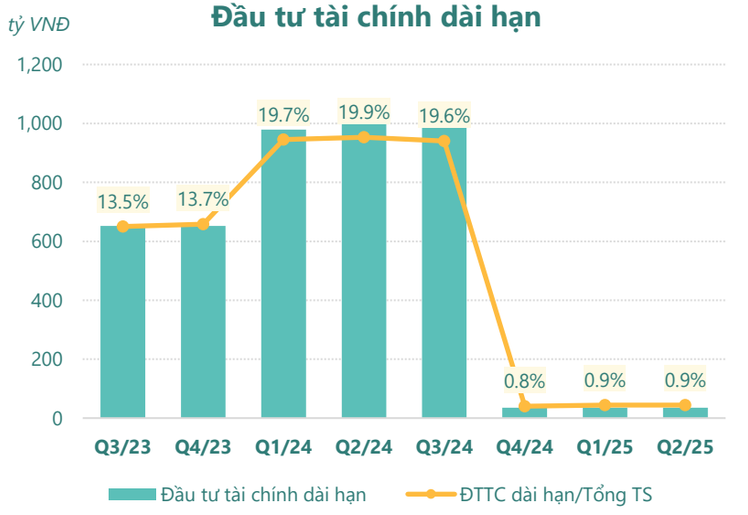
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



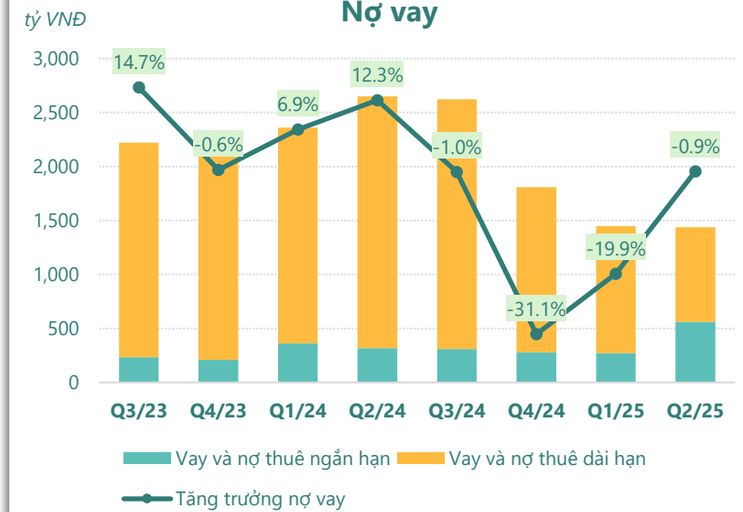
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

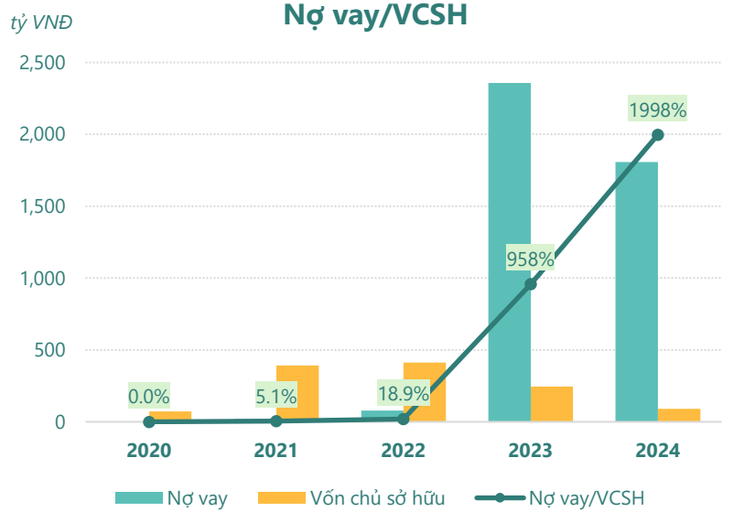
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

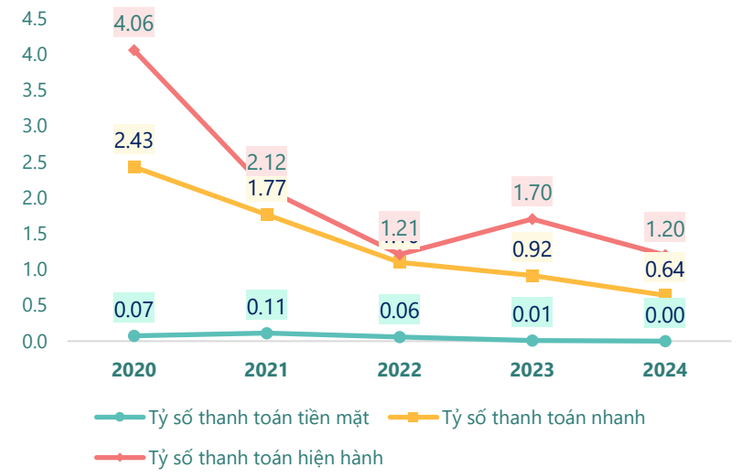
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



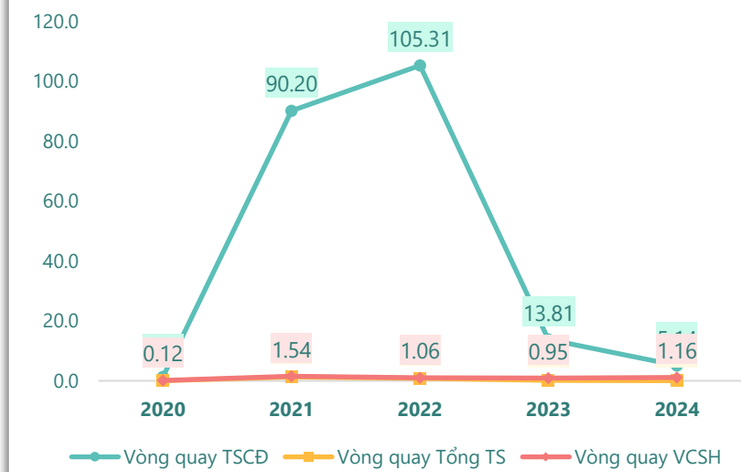
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



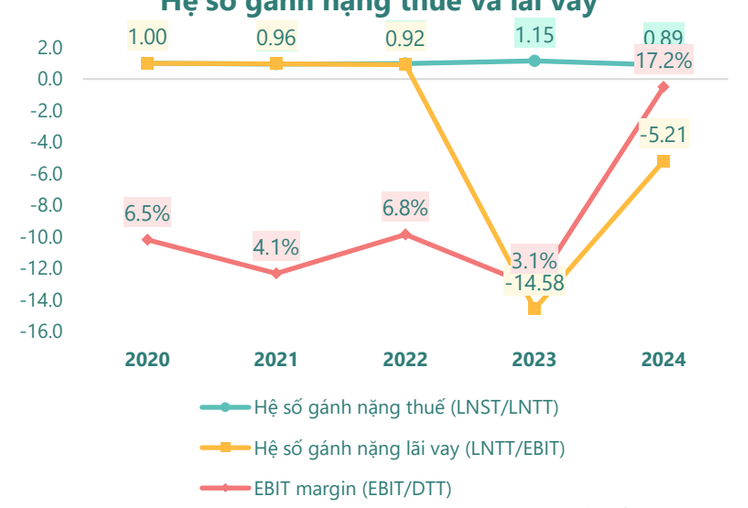
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



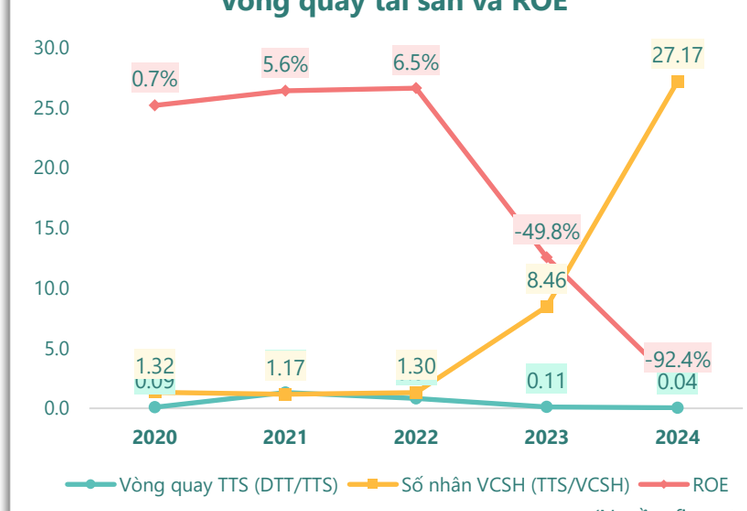
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



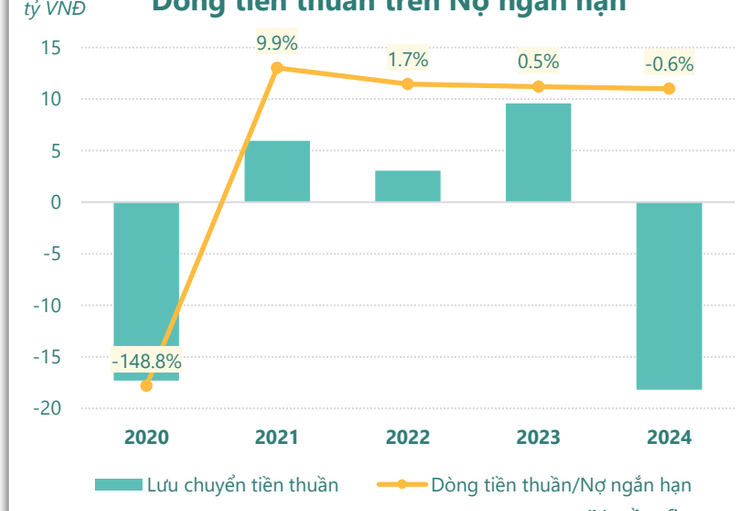
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.55**	**69.4**	**-97.8%**	**22.0**	**119**	**-81.6%**
Giá vốn hàng bán	0.66	65.6	-99.0%	19.7	113	-82.6%
Lợi nhuận gộp	0.90	3.78	-76.3%	2.33	6.37	-63.4%
Doanh thu HĐTC	7.35	11.0	-33.2%	14.9	22.2	-32.8%
Chi phí TC	32.0	64.9	-50.8%	56.4	120	-53.1%
Chi phí lãi vay	15.4	58.7	-73.7%	46.3	109	-57.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**3.24**	**-100%**	**0**	**2.40**	**-100%**
Chi phí bán hàng	0.08	0.18	-53.8%	0.17	0.24	-30.9%
Chi phí QLDN	**8.67**	**12.6**	**-31.2%**	**17.2**	**21.1**	**-18.5%**
LN thuần từ HĐKD	-32.5	-59.7	45.6%	-56.5	-110	48.9%
Lợi nhuận khác	**-0.23**	**0.07**	**-433%**	**-0.22**	**-0.50**	**55.9%**
LN trước thuế	-32.7	-59.6	45.1%	-56.7	-111	48.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-33.1**	**-58.9**	**43.8%**	**-57.4**	**-110**	**48.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-33.1**	**-58.9**	**43.8%**	**-57.4**	**-110**	**48.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.46	1.15	-272	14.7	10.4	-3.06
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.47	7.01	1.63	1,081	0.51	0.42
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.47	-12.2	276	-1,106	-7.03	0.67
Tiền đầu kỳ	19.4	8.97	4.92	11.1	1.31	5.16
Lưu chuyển tiền thuần	**-10.5**	**-4.05**	**6.20**	**-9.81**	**3.85**	**-1.97**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.97	4.92	11.1	1.31	5.16	3.13

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,801**	**4,170**	**-8.8%**
Tài sản ngắn hạn	3,115	3,485	-10.6%
Tiền và tương đương tiền	3.13	1.25	151%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.29	0.29	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,431	1,848	-22.6%
Hàng tồn kho	1,671	1,628	2.6%
Tài sản ngắn hạn khác	10.1	7.76	30.6%
Tài sản dài hạn	**686**	**684**	**0.2%**
Phải thu dài hạn	145	145	0.0%
Tài sản cố định	33.7	35.2	-4.3%
Bất động sản đầu tư	9.83	10.3	-4.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	35.0	35.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**329**	**318**	**3.6%**
Lợi thế thương mại	133	141	-5.9%
Nợ phải trả	3,768	4,079	-7.6%
Nợ ngắn hạn	**2,572**	**2,905**	**-11.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	563	934	-39.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	129	153	-15.6%
Nợ dài hạn	1,196	1,174	1.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	874	874	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**33.1**	**90.5**	**-63.4%**
Vốn chủ sở hữu	**33.1**	**90.5**	**-63.4%**
Vốn điều lệ	380	380	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)